

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2022/HC-PT

Ngày 18/4/2022

V/v: “Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 582/2021/TLPT-HC ngày 07 tháng 12 năm 2021, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 39/2021/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 323/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa:

1. *Người khởi kiện:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1933;

Địa chỉ: Số 47 đường N, Phường 3, TP. V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh D, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 138 đường Đ, Phường 11, TP. V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu – Văn bản ủy quyền ngày 27/5/2020 (có mặt).

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Người đại diện: Ông Trần Văn Thọ - Chủ tịch (xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích pháp: Ông Phan Văn Mạnh - Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (xin vắng mặt); Ông Nguyễn Tấn Dũng - Trưởng phòng Giá đất và Bồi thường giải phóng mặt bằng Chi cục Quản lý đất đai (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 01 đường P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Hạt kiểm lâm V;

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Khanh – Hạt trưởng (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Km 52, Quốc lộ 51, Khu phố T, phường P thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người kháng cáo: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

a. Nguồn gốc đất: Ngày 01/01/1993, bà T nhận chuyển nhượng đất của 03 hộ dân gồm:

- Ông Cao Thanh Hoàng với diện tích 1.202m² đất thuộc thửa 389, tờ bản đồ số 5, Phường 8, thành phố Vũng Tàu, được UBND Phường 8 cấp Giấy chứng nhận đăng lý ruộng đất số 1545/Đ.K.R.Đ ngày 01/3/1990;

- Bà La Thị Kim Lan với diện tích 2.110m² đất thuộc thửa 375, tờ bản đồ số 5, Phường 8, thành phố Vũng Tàu, được UBND Phường 8 cấp Giấy chứng nhận Đăng ký ruộng đất số 1379/Đ.K.R.Đ ngày 02/11/1989;

- Ông Lê Văn Hưng với diện tích 1.700m² đất, ông Hưng chưa đăng ký kê khai với UBND Phường 8;

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho rằng bà T viết giấy tay dưới hình thức là “Giấy đặt cọc sang nhượng chứ không phải Giấy sang nhượng quyền sử dụng đất và chưa được chính quyền địa phương xác nhận nên cho rằng bà T chưa nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là sai. Vì tại Sổ đăng ký ruộng đất năm 1989 (Lưu giữ tại UBND Phường 8) đã thể hiện 02 hộ Cao Thanh Hoàng và La Thị Kim Lan đã chuyển nhượng đất cho bà T ngày 01/01/1993 và bà T đã nộp thuế cho Nhà nước từ năm 1994 cho đến năm 2002. Tổng diện tích bà T sử dụng là: 5.012m² đất, trên đất trồng cây trái, hoa màu và xây dựng 06 căn nhà tạm để cho những người nghèo ở không thu tiền.

Quá trình sử dụng đất, bà T đã đăng ký kê khai và thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước đầy đủ, sử dụng liên tục cho đến khi Nhà nước có Quyết định thu hồi.

b. Về thời hiệu khiếu nại: Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho rằng năm 1996, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thu hồi đất của bà T để giao cho Binh đoàn 15 sử dụng, đến năm 2003 thì bà T mới biết đất của bà T đã bị thu hồi, nhưng đến ngày 07/9/2005 bà T mới có đơn khiếu nại gửi UBND tỉnh nên thuộc trường hợp không được thụ lý giải quyết theo quy định.

c. Về quá trình giải quyết khiếu nại:

Đối với đất bị thu hồi Xây dựng Khu biệt thự Phương Nam:

- Ngày 12/7/2002, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có Quyết định số 5843/QĐ-UBND về việc thu hồi 34.934,8m² đất tại khu đồi Ngọc Tước và giao toàn bộ diện tích trên cho Công ty Đầu tư - Phát triển - Xây dựng để xây dựng Khu biệt thự Phương Nam, Phường 8, thành phố Vũng Tàu, trong tổng diện tích đất này có bao gồm đất của gia đình bà T đang sử dụng. Từ khi biết được Quyết định này gia đình bà T đã khiếu nại đến UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhưng chưa được trả lời, thì ngày 21/4/2003 UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lại ra Quyết định số 3071/QĐ-UB thu hồi đất của gia đình bà T xây dựng khu Biệt thự phương Nam, chỉ bồi thường hoa màu, không bồi thường về đất.

- Sau khi nhận được Quyết định số 3071/QĐ-UB ngày 21/4/2003 UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ngày 15/5/2003 bà T có đơn khiếu nại gửi đến Thủ tướng Chính phủ; ngày 18/6/2003, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 3022/VPCP chuyển đơn khiếu nại đến UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Kể từ năm 2003, khi có Đơn khiếu nại của bà T cho đến nay, mặc dù UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ra rất nhiều công văn chỉ đạo giao cho Sở, ngành, các ban, ngành mời bà T làm việc, nhưng không có cơ quan nào có trách nhiệm tham mưu cụ thể. Đến ngày 11/12/2003, bà T nhận được Văn bản số 1852/TC-HĐTĐ có nội dung phân đất bà T đang khiếu nại không nằm trong diện tích 34.934,80m² đất được UBND tỉnh thu hồi giao cho Công ty đầu tư phát triển xây dựng thực hiện Dự án khu biệt thự Phương Nam và kiến nghị UBND tỉnh giao cho Sở Tài nguyên và môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Vũng Tàu thẩm tra, xác minh, làm rõ đất của gia đình bà T có thu hồi hay không, nằm ngoài hay trong dự án và dự án nào?

- Năm 2008, đại diện Sở Tài nguyên và môi trường và lãnh đạo của các ban ngành Tỉnh như: Thanh tra Tỉnh, Sở Tài chính, UBND thành phố Vũng Tàu, Hạt kiểm lâm, Công ty Lâm viên Cây xanh và UBND Phường 8 đã họp xem xét nguồn gốc đất và tính pháp lý đối với diện tích đất của bà T có tổng diện tích sử dụng 5.012m² đất (có văn bản của các ngành họp kèm theo) và kết luận:

“Công nhận bà Nguyễn Thị Thanh sử dụng diện tích 3.312m² đất đã có đăng ký sử dụng đất với UBND Phường 8 TPVT, đã bị thu hồi giao cho Binh đoàn 15 sử dụng theo quy hoạch và giao cho ban quản lý dự án thành phố Vũng Tàu để xây dựng đường vào khu nhà ở đồi Ngọc Tước. Trong diện tích 3.312m² đất thu hồi đã bồi bồi thường 788,4m² còn lại 2.523,6m² chưa bồi thường. Căn cứ chính sách bồi thường tại thời điểm thu hồi đất thì diện tích 2.523,6m² bà T sử dụng ổn định, có đăng ký kê khai đủ điều kiện bồi thường.

Diện tích 1.700m² đất bà T khai báo mua của ông Hưng bằng giấy tay chưa đăng ký với chính quyền địa phương nên không thừa nhận”.

- Vụ việc của gia đình bà T kéo dài mãi cho đến ngày 21/12/2017, tại Thanh tra tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã tổ chức đối thoại giữa các ban, ngành với gia đình bà T, đại diện các sở, ngành đều đồng ý bồi thường diện tích đã đăng ký, kê khai hợp pháp cho gia đình bà T theo quy định; Thanh tra Tỉnh có đề nghị

UBND thành phố Vũng Tàu có báo cáo và cung cấp hồ sơ tài liệu có liên quan đến vụ việc của gia đình Thanh.

- Ngày 24/7/2018, UBND thành phố Vũng Tàu có Báo cáo số 4115/UBNDTNMT gửi Thanh tra tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nêu rõ nguồn gốc đất và đề xuất căn cứ quy định tại Điều 100 và Điều 75, Luật Đất đai năm 2013 thì 02 thửa đất của bà T sử dụng tại đồi Ngọc Tước, thuộc thửa số 375 và 389 tờ bản đồ số 05, bản đồ địa chính Phường 8, có đóng thuế nông nghiệp hàng năm thì được xem xét cấp Giấy chứng nhận QSD đất và khi nhà nước thu hồi đất thì được xem xét bồi thường hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

d. Đối với đất thu hồi làm đường vào khu nhà ở Binh đoàn 15:

- Ngày 20/7/2005, UBND thành phố Vũng Tàu có quyết định số 1912/QĐUB thu hồi diện tích 788,4m² đất (Thuộc thửa số 375 và 389 tờ bản đồ số 05, bản đồ địa chính Phường 8, thành phố Vũng Tàu) để làm đường vào Binh đoàn 15, bà T đã được bồi thường quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật với số tiền là 579.474.000đ; bà T vẫn tiếp tục khiếu nại và ngày 27/9/2005, UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có công văn số 5515/UBND-VP giao cho Thanh tra tỉnh và UBND thành phố Vũng Tàu xác định đối với diện tích bà T đã khiếu nại để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bà T. Vì vậy, bà T khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

- Tuyên hủy Văn bản số 6217/UBND-VP ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

- Tuyên hủy Văn bản số 277/UBND-VP ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

- Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bồi thường giá trị quyền sử dụng cho bà Phạm Thị T đối với diện tích 2.523,6m² đất, thuộc hai thửa đất số 375 và 389, tờ bản đồ địa chính số 05 (cũ) Phường 8, thành phố Vũng Tàu mà nhà nước đã thu hồi giao cho người khác sử dụng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu trình bày:

a. Quá trình giải quyết đơn của bà Phạm Thị T

Ngày 27/9/2005, UBND Tỉnh có văn bản số 5515/UBND-VP giao Thanh tra Tỉnh tham mưu giải quyết đơn khiếu nại của bà Phạm Thị T về việc UBND Tỉnh có quyết định thu hồi đất để giao cho Binh đoàn 15 xây dựng nhà ở trong đó có 2.000m² đất của gia đình bà.

Ngày 10/10/2017, Thanh tra Tỉnh có báo cáo số 1522/BC-TTr.NV1 về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Phạm Thị T với nội dung kiến nghị Chủ tịch UBND Tỉnh bác đơn khiếu nại của bà T.

Ngày 27/02/2018, Chủ tịch UBND Tỉnh có văn bản số 1672/UBND-VP giao Thanh tra Tỉnh chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Vũng Tàu rà soát lại quá trình quản lý, sử dụng đất của bà Phạm Thị T, trên cơ sở quy định của pháp luật, thống nhất hướng xử lý, tham mưu UBND Tỉnh giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị T.

Ngày 04/01/2019, Thanh tra Tỉnh có văn bản số 08/TTr-VP báo cáo kết quả rà soát đơn khiếu nại của bà Phạm Thị T, với nội dung kết luận:

“ a) Về nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.276,8m² bị thu hồi giao cho Binh đoàn 15:

Diện tích đất bà T khiếu nại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, trong tổng diện tích 2.276,8m² bà Phạm Thị T bị Nhà nước thu hồi giao cho Binh đoàn 15 quản lý, sử dụng, có 2.001,5m² thuộc thửa số 375, là đất lâm nghiệp thuộc lô e2 khoảnh 1 rừng phòng hộ Bãi Sau (lô số 2).

Căn cứ quy định pháp luật đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm thu hồi đất của bà Phạm Thị T (năm 1996), cụ thể:

- Tại Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 970/QĐ-UBT ngày 17/8/1995 của UBND Tỉnh về đền bù giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất hợp pháp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (là văn bản đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm năm 1996, UBND Tỉnh ban hành các Quyết định thu hồi đất giao cho Binh đoàn 15) ...

- Tại Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 970/QĐ-UBT nêu trên ...thì trường hợp sử dụng đất của bà T không thuộc một trong các điều kiện để được coi là người sử dụng đất hợp pháp. Do đó, diện tích đất của bà T khiếu nại không đủ điều kiện được đền bù thiệt hại về đất theo quy định của pháp luật.

Như vậy, nội dung khiếu nại của bà T yêu cầu bồi thường đối với phần diện tích 2.276,8m² bị thu hồi giao cho Binh đoàn 15 quản lý, sử dụng là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

b. Về thời hiệu khiếu nại của bà Phạm Thị T

Việc UBND Tỉnh thu hồi đất của bà để giao cho Binh đoàn 15 sử dụng xảy ra vào thời điểm năm 1996. Đến năm 2003, bà T mới biết đất của bà đã bị thu hồi. Tuy nhiên, đến ngày 07/9/2005, bà T mới có đơn khiếu nại gửi UBND Tỉnh. Trên cơ sở đó ngày 27/9/2005, UBND Tỉnh có văn bản số 5515/UBND-VP chỉ đạo giải quyết khiếu nại của bà T.

Do đó, căn cứ quy định pháp luật liên quan tại thời điểm bà T có đơn khiếu nại, cụ thể: Điều 31 của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2004) thì thời hiệu khiếu nại của bà T đã hết, nên thuộc trường hợp không được thụ lý để giải quyết theo quy định tại Khoản 4 Điều 32 của Luật này”.

Ngày 27/6/2019, UBND Tỉnh đã ban hành văn bản số 6217/UBND-VP trả lời khiếu nại của bà Phạm Thị T.

Như vậy, Căn cứ quá trình giải quyết vụ việc khiếu nại của bà Phạm Thị T nêu trên, cho thấy nội dung trả lời của UBND Tỉnh tại 6217/UBND-VP ngày 27/6/2019 là trả lời khiếu nại của gia đình bà T về việc UBND Tỉnh thu hồi đất của gia đình bà để giao cho Binh đoàn 15 xây dựng nhà ở (Việc thu hồi đất thể hiện tại 03 quyết định: Quyết định số 1990/QĐ-UBT ngày 24/8/1996, Quyết

định số 2027/QĐ.UBT ngày 30/8/1996 và Quyết định số 2029/QĐ.UBT ngày 30/8/1996) nhưng chưa xem xét bồi thường cho gia đình bà, chứ không phải trả lời khiếu nại của bà T về nội dung "yêu cầu bồi thường 2.523,6m² đất khi Nhà nước thu hồi năm 2003 để giao cho Công ty Đầu tư phát triển xây dựng thuộc Bộ Xây dựng khu Biệt thự Phương Nam, Phường 8, thành phố Vũng Tàu tại quyết định số 3701/QĐ-UB ngày 21/4/2003 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu".

Hơn nữa, qua xem xét các tài liệu để chứng minh việc gia đình bà T đã có đơn khiếu nại từ năm 2003 (gồm: *Văn bản số 3022/VPCP-V.II ngày 18/6/2003 của Văn phòng Chính phủ, văn bản số 3233/UB-VP ngày 07/7/2003 của UBND Tỉnh, Quyết định số 3701/QĐ-UB ngày 21/4/2003 của UBND Tỉnh*), cho thấy: Những tài liệu liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường giải tỏa thuộc dự án Khu Biệt thự Phương Nam, Phường 8, thành phố Vũng Tàu; không liên quan đến việc UBND Tỉnh thu hồi đất giao cho Binh đoàn 15 mà Chủ tịch UBND Tỉnh giao Thanh tra Tỉnh tham mưu giải quyết tại văn bản số 5515/UBND-VP ngày 27/9/2005 nêu trên.

Từ cơ sở nêu trên, UBND Tỉnh nhận thấy Đơn khiếu nại đề ngày 08/7/2019 và các tài liệu liên quan mà bà T cung cấp hiện nay không có tình tiết gì mới làm thay đổi bản chất vụ việc khiếu nại của bà T liên quan đến việc thu hồi đất giao cho Binh đoàn 15 (năm 1996). Do đó, UBND tỉnh vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết tại văn bản số 08/TTr-VP ngày 04/01/2019.

Căn cứ Khoản 1 và điểm a Khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, quy định:

“Điều 116. Thời hiệu khởi kiện

1. Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.

3. Trường hợp đương sự khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật đến cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì thời hiệu khởi kiện được quy định như sau:

a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quyết định giải quyết khiếu nại lần hai;”

Thì việc khởi kiện của bà T là không có căn cứ để chấp nhận.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Hạt kiểm lâm V trình bày:

Căn cứ Quyết định số 1002/QĐ-UBND ngày 23/4/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, Chi cục Kiểm lâm và Hạt kiểm lâm trực thuộc Chi cục Kiểm lâm; Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-SNN ngày 09/5/2019 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Hạt kiểm lâm V, trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thực hiện Công văn số 246/CCKL-HCTH ngày 17/5/2019 của Chi cục Kiểm lâm về việc triển khai phương án số 02/PA-CCKL của Chi cục kiểm lâm, từ tháng 05/2019 Hạt kiểm lâm thành phố Vũng Tàu và Hạt kiểm lâm thị xã Phú Mỹ được sát nhập đổi tên thành Hạt kiểm lâm V. Trong quá trình bàn giao hồ sơ từ Hạt kiểm lâm thành phố Vũng Tàu sang Hạt kiểm lâm V thì không có hồ sơ liên quan đến dự án Bình đoàn 15 và Dự án khu biệt thự đồi Ngọc Tước III do Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương làm chủ đầu tư.

Đồng thời Hạt kiểm lâm V không có chức năng trích lục và lập hồ sơ địa chính (Sổ mục kê, sổ địa chính, bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính). Do đó, Hạt kiểm lâm V không có hồ sơ, tài liệu, chứng cứ để cung cấp theo yêu cầu của Tòa án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 39/2021/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

Áp dụng: Điều 21, Điều 27, khoản 6 Điều 73 Luật đất đai năm 1993; Khoản 1 Điều 75, điểm b và g khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Điểm d khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ; Mục 2 Quyết định 184-HĐBT ngày 06-01-1982 của Hội đồng Bộ trưởng. Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T:

- Hủy Văn bản số 6217/UBND-VP ngày 27/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và hủy Văn bản số 277/UBND-VP ngày 13/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc trả lời khiếu nại của bà Phạm Thị T ở thành phố Vũng Tàu;

- Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện nhiệm vụ công vụ bồi thường giá trị quyền sử dụng đất diện tích 2.523,6m² đất nông nghiệp thuộc hai thửa đất số 375 và 389, tờ bản đồ địa chính số 05 (cũ) Phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho bà Phạm Thị T theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/10/2021 UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giữ nguyên kháng cáo và tham gia tranh tụng trình bày: Từ trước tới nay, UBND thành phố và UBND tỉnh chưa ban hành quyết định thu hồi đất cũng như chưa ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đối với yêu cầu bồi thường của bà T nhưng tòa án cấp sơ thẩm giải quyết về nội dung,

buộc bồi thường là không đúng. Ông Hoàng, bà Lan không có đơn đăng ký đất đai, nên việc UBND Phường 8 cấp giấy đã đăng ký đất đai cho bà T là không đúng pháp luật. Hồ sơ địa chính tại 3 cấp là cấp phường, thành phố Vũng Tàu và Văn phòng đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường phải giống nhau mới có giá trị và đúng pháp luật, tuy nhiên Sổ Mục kê, Sổ Đăng ký đất lưu trữ tại Văn phòng đăng ký đất đai Sở tài nguyên và Môi trường chỉ ghi tới tên người đăng ký, có số thứ tự là 226, không có tên ông Hoàng và bà Lan, nhưng Sổ lưu trữ tại phường có tên ông Hoàng và bà Lan là không đúng. Do đó, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ông Trần Anh D đại diện cho bà Phạm Thị T tranh tụng: Trình bày và yêu cầu của người bảo vệ quyền lợi cho UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là chưa phù hợp, vì Sổ Mục kê, Sổ Đăng ký đất lưu trữ ở 3 cấp có sự không trùng khớp với nhau là thuộc trách nhiệm của Cơ quan nhà nước. Diện tích đất của bà T đã thu hồi một phần, UBND thành phố Vũng Tàu đã bồi thường khi thu hồi phần đất này, nên coi như đã thừa nhận đất này của bà T; phần đất còn lại của bà T UBND tỉnh đã giao cho Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu Bình Dương và Dự án Bình đoàn 15 - Bộ Quốc phòng xây nhà ở nhưng không có quyết định thu hồi đất và bồi thường đất, bà T khiếu nại và Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng pháp luật, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau: Về thủ tục tố tụng, người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung kháng cáo của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng pháp luật; người kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng nhưng không chứng minh được nên đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy:

- Đơn kháng cáo của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đúng theo quy định của pháp luật, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Theo đơn khởi kiện của bà T, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ hành chính về việc: “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” là đúng quan hệ tranh chấp; đối tượng bị khởi kiện là Văn bản số 6217/UBND-VP ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trả lời bà T là không thụ lý, giải quyết khiếu nại, nhưng tại Văn bản số 277/UBND-VP ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết khiếu nại và bác yêu cầu của bà T, nên chứa đựng nội dung của quyết định hành chính; bà T yêu cầu UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện nhiệm vụ, công vụ khi thu hồi đất, phải bồi thường, hỗ trợ, nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, được quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 và khoản 4 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2]. Về thẩm quyền ban hành Văn bản số 277/UBND-VP ngày 13/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Việc giải quyết khiếu nại của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trả lời, giải quyết khiếu nại là không đúng thẩm quyền.

[3]. Xét kháng cáo của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

[3.1]. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Theo Hồ sơ lưu trữ tại UBND Phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì tại Sổ Mục kê do Phường 8 lập năm 1989, ông Út là người kê khai, đăng ký thửa 389, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.202m², loại đất màu và bà La Thị Kim Lan là người kê khai, đăng ký thửa 375, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.110m², loại đất màu. Đồng thời, tại Sổ Đăng ký ruộng đất do Phường 8 lập năm 1989; ông Cao Thanh Hoàng là người sử dụng thửa 389, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.202m², loại đất màu và bà La Thị Kim Lan là người sử dụng thửa 375, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.110m², loại đất màu. Ông Út là người kê khai, đăng ký thửa 389 tại Sổ Mục kê và ông Hoàng là người sử dụng thửa 389 tại Sổ Đăng ký ruộng đất, có phải cùng một người hay không, đến nay không có khiếu nại, tranh chấp. UBND Phường 8 cấp Giấy đã đăng ký ruộng đất số 1379/Đ.K.R.Đ ngày 02/11/1989 cho bà Lan (BL:219) và Giấy đã đăng ký ruộng đất số 1545/Đ.K.R.Đ ngày 01/3/1990 cho ông Hoàng (BL:218) là đúng theo quy định tại Điều 18 Luật đất đai năm 1987. Đến ngày 01/01/1993, ông Hoàng và bà Lan chuyển nhượng hai thửa đất trên bằng giấy tay cho bà T, dù chưa được Cơ quan có thẩm quyền chứng nhận là chưa đúng về hình thức. Song, thực tế bà T đã nhận đất sử dụng từ năm 1993 và đã nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp từ năm 1994 đến năm 2002 và được cập nhật sang tên bà T tại Sổ Mục kê và Sổ Đăng ký ruộng đất do Phường 8 lưu giữ (BL:94, 95). Nay UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kháng cáo cho rằng tại Sổ Đăng ký ruộng đất do Phường 8 lập năm 1989, hiện Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường lưu giữ, chỉ ghi tới tên ông Mai Ngọc Lung đăng ký cuối cùng, có số thứ tự là 126, phía dưới để trống, không có tên ông Hoàng và bà Lan đăng ký người sử dụng đất. Như vậy, việc Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường không cập nhật tên người đăng ký sử dụng đất, không thuộc trách nhiệm của người sử dụng đất; UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kháng cáo cho rằng ông Hoàng, bà Lan và bà T không phải là người sử dụng đất hợp pháp là chưa phù hợp.

[3.2]. Quá trình thu hồi đất của bà T: Quyết định số 1912/QĐ-UB ngày 20/7/2005 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu thu hồi của bà T 788,4m² đất để làm đường vào khu nhà ở Đồi Ngọc Tước và bồi thường, hỗ trợ đất bị thu hồi là 579.474.000 đồng (BL: 223). Tại Giấy xác nhận ngày 28/7/2005 và ngày 17/9/2009 của UBND phường 8, thành phố Vũng Tàu đã xác nhận hai thửa đất 375 và 389 do bà Lan và ông Hoàng kê khai, đăng ký sử dụng; đến năm 1993 bà Lan và ông Hoàng chuyển nhượng hai thửa đất trên cho bà T, nhà nước đã thu hồi 788,4m² đất của bà T; trong đó, thửa 375 thu hồi 36m² và thửa 389 thu hồi 752,4m² đã bồi thường, diện tích đất còn lại là 2.523,6m² bà T xin cấp lại giấy đăng ký đất, để thay giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất, bỏ tức hồ sơ đền bù

hoặc hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL: 32, 33). Đồng thời tại Văn bản số 4798/STNMT-CCQLĐĐ ngày 25/12/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường gửi cho Thanh tra tỉnh, đã xác định Dự án đường vào khu nhà ở Đồi Ngọc Tước, nằm giữa hai dự án (Bình đoàn 15 – Bộ quốc phòng, Công ty sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương) cắt ngang một phần đất thửa 375 và thửa 389 có chủ sử dụng là bà T (được bồi thường, hỗ trợ đất bị thu hồi là 579.474.000 đồng vào năm 2005); trong trường hợp có căn cứ 02 thửa đất 375, 389 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà T thì bà T chưa được bồi thường, hỗ trợ 2.276,8m² đất thuộc dự án Bình đoàn 15 – Bộ quốc phòng và 246,8m² thuộc dự án nhà ở của Công ty sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương (BL: 220). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất 2.523,6m² còn lại tại thửa 375 và 389 thuộc quyền sử dụng của bà T là có căn cứ.

[3.3]. Diện tích đất 2.523,6m² còn lại tại thửa 375 và 389 của bà T, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã thu hồi và giao cho Dự án nhà ở của Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu Bình Dương và Dự án Bình đoàn 15 - Bộ Quốc phòng. Hai dự án đã thực hiện xong và đưa vào sử dụng từ lâu nhưng không có quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho bà T là chưa đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 75, điểm b và g Khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Điểm d khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. Từ năm 2005 đến 2015, UBND thành phố Vũng Tàu, Thanh tra tỉnh và UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho rằng diện tích đất còn lại của hai thửa 375 và 389, bà T sử dụng không hợp pháp, do bà T chưa được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất bà T sử dụng thuộc đất rừng phòng hộ là không phù hợp với nhận định trên, không đúng với quy định tại Điều 21 Luật đất đai năm 1993: “Việc quyết định giao đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi đất đó.”. Vì hai thửa đất 375 và 389, bà Lan và ông Hoàng sử dụng từ năm 1989 – 1990, đến năm 1993 chuyển nhượng cho bà T sử dụng cho đến khi thu hồi đất. Do đó, người kháng cáo cho rằng ngày 07/6/1994, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 975/QĐ-UBND, về việc giao 2.870ha đất tại khu vực Núi Lớn, Núi Nhỏ, Núi Nứa và bãi Sau thành phố Vũng Tàu, cho chủ dự án 1893, để triển khai xây dựng rừng phòng hộ môi sinh, cây xanh và thảm thực vật đô thị thành phố Vũng Tàu, theo chương trình 327, trong đó có thửa đất 375 và 389, nhưng chủ dự án 1893 không triển khai thực hiện quyết định trên của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, hai thửa đất 375 và 389 bà T vẫn là người quản lý, sử dụng đất. Đến ngày 11/4/2002, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mới có Quyết định 2670/QĐ-UBND về việc: Phê duyệt công trình đầu tư xác định ranh giới cấm mốc các loại rừng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Bản đồ thiết kế trồng rừng giao cho Kiểm Lâm quản lý, sau khi bà Lan, ông Hoàng và bà T quản lý sử dụng đất, không có quyết định thu hồi đất. Cơ quan quản lý rừng không đăng ký trong sổ mục kê và sổ địa chính, hai thửa đất trên không phải đất rừng do nhà nước quản lý như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ.

[4]. Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí

Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, lời trình bày cũng như kháng cáo của người bảo vệ cho người bị kiện không có căn cứ nên không được chấp nhận. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; giữ nguyên bản án sơ thẩm. UBND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 39/2021/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 và khoản 4 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Căn cứ khoản 1 Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011. Căn cứ Điều 18 Luật đất đai năm 1987; Điều 21, Điều 27, khoản 6 Điều 73 Luật đất đai năm 1993; Khoản 1 Điều 75, điểm b và g khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Điểm d khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ; Mục 2 Quyết định 184-HĐBT ngày 06-01-1982 của Hội đồng Bộ trưởng. Khoản 2 Điều 32, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T:

- Hủy Văn bản số 6217/UBND-VP ngày 27/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và hủy Văn bản số 277/UBND-VP ngày 13/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc trả lời khiếu nại của bà Phạm Thị T ở thành phố Vũng Tàu;

- Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện nhiệm vụ công vụ bồi thường giá trị quyền sử dụng đất diện tích 2.523,6m² đất nông nghiệp thuộc hai thửa đất số 375 và 389, tờ bản đồ địa chính số 05 (cũ) Phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho bà Phạm Thị T theo đúng quy định pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Phạm Thị T không phải nộp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

II. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000036 ngày 19/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu đã nộp xong án phí.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu VP(6), HS(1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý